

Số: 57 /2023/CV-KT

"V/v: Giải trình kết quả kinh doanh bị lỗ"

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (Mã chứng khoán: TJC) xin giải trình nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 bị lỗ như sau:

6 tháng đầu năm 2023 thị trường vận tải biển thế giới vẫn tiếp tục khó khăn do tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu vẫn tiếp diễn, nhu cầu vận chuyển giảm mạnh dẫn tới giá cước giảm sâu, thương mại hàng hoá sụt giảm gây khó khăn cho việc tìm kiếm nguồn hàng phù hợp cho tàu làm phát sinh ngày tàu chờ đợi và chạy rỗng, thời gian xếp dỡ tại các cảng kéo dài làm tăng chi phí ngày tàu và khiến cho doanh thu vận tải biển bị sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Công ty chỉ còn khai thác 01 tàu Transco Glory (trong khi cùng kỳ năm trước Công ty khai thác 02 con tàu). Bên cạnh đó chi phí nhiên liệu và các chi phí đầu vào vẫn neo ở mức cao gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh vận tải biển. Hoạt động dịch vụ vẫn duy trì một vài khách hàng nhỏ lẻ với doanh thu và sản lượng thấp. Do ảnh hưởng của cuộc chiến tranh Nga – Ucraina làm thị trường sản xuất toàn cầu sụt giảm nghiêm trọng dẫn tới đội xe khai thác trong tình trạng không đủ hàng chạy liên tục. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2023, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 31,7 tỷ đồng, giảm 65% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán quý này là 35,6 tỷ đồng, giảm 51% so với cùng kỳ năm trước. Từ những nguyên nhân trên, kết thúc 6 tháng đầu năm 2023 kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ 4,25 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước Công ty lãi 14,31 tỷ đồng.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như k/g
- Lưu KT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Lê Tất Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 06 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Phúc Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Nguyễn Bảo Trung	Chủ tịch	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch ngày 13/03/2023, miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 25/04/2023
Bà Phạm Thị Anh Thư	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Lê Tất Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch ngày 13/03/2023, tái bổ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 25/04/2023
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2023
Ông Phan Duy Vân	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Trần Trọng Tâm	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Hậu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Lê Hồng Quang	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Mai Trọng Tài	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Bà Dương Thanh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Tất Hưng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 11 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		103.685.973.976	142.156.669.754
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.801.957.761	53.758.605.295
111	1. Tiền		22.801.957.761	51.758.605.295
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	58.500.000.000	60.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		58.500.000.000	60.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.656.395.563	13.189.578.292
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.617.776.072	3.822.095.576
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.166.531.257	9.013.772.099
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.889.396.879	1.371.019.262
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.017.308.645)	(1.017.308.645)
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.085.517.764	6.051.197.117
141	1. Hàng tồn kho		2.085.517.764	6.051.197.117
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.642.102.888	8.957.289.050
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	264.093.147	1.336.182.485
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.376.009.741	7.616.106.565
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.000.000	5.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.748.944.532	31.925.426.050
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.500.000	85.500.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.500.000	85.500.000
220	II. Tài sản cố định		25.996.545.465	29.684.378.175
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	18.732.624.920	22.411.290.962
222	- Nguyên giá		73.449.923.595	73.449.923.595
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(54.717.298.675)	(51.038.632.633)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	7.263.920.545	7.273.087.213
228	- Nguyên giá		7.310.296.000	7.310.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.375.455)	(37.208.787)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	15.247.562.856	1.648.649.162
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.247.562.856	1.648.649.162
260	VI. Tài sản dài hạn khác		499.336.211	506.898.713
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.260.413	8.822.915
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		498.075.798	498.075.798
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		145.434.918.508	174.082.095.804

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘTại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.381.709.480	21.587.777.577
310	I. Nợ ngắn hạn		8.381.709.480	21.587.777.577
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	5.185.181.114	7.395.406.218
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	62.816.820	9.189.365.102
314	3. Phải trả người lao động		113.745.708	3.854.248.074
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	16	37.803.426	104.515.996
321	5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	1.600.000.000	-
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.382.162.412	1.044.242.187
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		137.053.209.028	152.494.318.227
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	137.053.209.028	152.494.318.227
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.496.562.246	9.028.443.507
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.548.661.782	52.457.889.720
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		38.822.794.756	3.095.514.945
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(4.274.132.974)	49.362.374.775
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		145.434.918.508	174.082.095.804

Trần Thị Thanh Nhận
Người lậpTrần Thị Thanh Nhận
Kế toán trưởngLê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	31.782.598.663	89.812.317.756
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.782.598.663	89.812.317.756
11	4. Giá vốn hàng bán	21	35.692.114.048	72.926.880.251
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.909.515.385)	16.885.437.505
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.879.851.567	2.176.033.116
22	7. Chi phí tài chính	23	32.842.279	499.666.021
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	115.324.913
25	8. Chi phí bán hàng	24	440.285.378	238.723.082
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.756.182.531	3.961.645.912
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.258.974.006)	14.361.435.606
31	11. Thu nhập khác	26	188.639.335	1
32	12. Chi phí khác	27	180.110.443	45.348.957
40	13. Lợi nhuận khác		8.528.892	(45.348.956)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.250.445.114)	14.316.086.650
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	23.687.860	1.545.211.805
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.274.132.974)	12.770.874.845
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(497)	1.396



Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng

Le Tát Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		31.177.277.072	87.433.596.711
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(25.223.511.135)	(58.194.511.268)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.186.478.404)	(13.998.942.091)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	(108.018.491)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.206.802.962)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		361.369.163	530.513.936
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.696.133.397)	(1.932.941.373)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(12.774.279.663)</i>	<i>13.729.697.424</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.089.853.502)	(323.509.091)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(58.500.000.000)	(75.400.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		60.200.000.000	61.200.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.486.198.306	1.558.649.773
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(7.903.655.196)</i>	<i>(12.964.859.318)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	16.259.662.195
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(6.195.448.232)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.320.000.000)	(8.600.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(10.320.000.000)</i>	<i>1.464.213.963</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(30.997.934.859)</i>	<i>2.229.052.069</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		53.758.605.295	7.851.323.417
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		41.287.325	(6.502.191)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>22.801.957.761</u>	<u>10.073.873.295</u>



Trần Thị Thanh Nhạn

Người lập

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Trần Thị Thanh Nhạn

Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 06 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 37 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 66 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải đường bộ và vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyên, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty chỉ còn khai thác tàu Transco Glory, mặt bằng giá cước vận tải biển giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, hoạt động thương mại sụt giảm do ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế gây khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn hàng phù hợp. Do vậy, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty kỳ này sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Thông tin chi tiết được trình bày tại các Thuyết minh số 20 và 21.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.15 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	163.081.030	36.043.293
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.638.876.731	51.722.562.002
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
	<u><u>22.801.957.761</u></u>	<u><u>53.758.605.295</u></u>

4 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>30/06/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	58.500.000.000	-	60.200.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	58.500.000.000	-	60.200.000.000	-
	<u><u>58.500.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>60.200.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

Tại ngày 30/06/2023, các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 58.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 8,5%/năm đến 9,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	30.419.001	-	751.539.600	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	13.607.000	-	751.539.600	-
Công ty Cổ phần Transimex	16.812.001	-	-	-
<i>Bên khác</i>	3.587.357.071	(1.017.308.645)	3.070.555.976	(1.017.308.645)
Woongji Shipping Company Limited	1.299.642.520	(925.762.645)	1.322.518.065	(925.762.645)
Công ty TNHH MTV Tâm Minh Đức	-	-	530.447.676	-
Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc	1.519.573.000	-	973.224.235	-
Phải thu khách hàng khác	768.141.551	(91.546.000)	244.366.000	(91.546.000)
	3.617.776.072	(1.017.308.645)	3.822.095.576	(1.017.308.645)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng GM	3.622.141.390	-	8.452.201.963	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thông Minh	1.248.496.260	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Hải An	621.155.250	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	674.738.357	-	561.570.136	-
	6.166.531.257	-	9.013.772.099	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi	1.030.036.986	-	920.523.288	-
Tạm ứng	623.042.305	-	413.376.764	-
Ký cược, ký quỹ	80.000.000	-	-	-
Phải thu khác	156.317.588	-	37.119.210	-
	<u>1.889.396.879</u>	<u>-</u>	<u>1.371.019.262</u>	<u>-</u>
a2) <i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hải Phòng	1.030.036.986	-	889.183.562	-
Hoàng Xuân Phương	196.528.508	-	136.735.649	-
Các đối tượng khác	662.831.385	-	345.100.051	-
	<u>1.889.396.879</u>	<u>-</u>	<u>1.371.019.262</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Ký cược, ký quỹ	5.500.000	-	85.500.000	-
	<u>5.500.000</u>	<u>-</u>	<u>85.500.000</u>	<u>-</u>
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Ông Phan Duy Vân	5.000.000	-	10.000.000	-
Ông Trần Trọng Tâm	-	-	15.821.600	-
	<u>5.000.000</u>	<u>-</u>	<u>25.821.600</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Woongji Shipping Company Limited	1.299.642.520	373.879.875	1.322.518.065	396.755.420
- Ông Bùi Văn Hạc	91.546.000	-	91.546.000	-
	<u>1.391.188.520</u>	<u>373.879.875</u>	<u>1.414.064.065</u>	<u>396.755.420</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.085.517.764	-	6.051.197.117	-
	<u>2.085.517.764</u>	<u>-</u>	<u>6.051.197.117</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
- Dự án Xây dựng tòa nhà văn phòng và cho thuê (*)	15.247.562.856	1.648.649.162
	<u>15.247.562.856</u>	<u>1.648.649.162</u>

(*) Tên dự án: Xây dựng tòa nhà văn phòng và cho thuê Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

- Địa điểm xây dựng: số 05 lô 2B, Khu đô thị mới Ngã năm Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: xây dựng nhà văn phòng làm việc và cho thuê văn phòng làm việc;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại;
- Nguồn vốn đầu tư: 100% vốn tự có của Công ty;
- Quy mô của dự án: tổng diện tích sàn 2.665 m² với 5 tầng nổi, 1 tầng hầm, 1 tầng lửng, 1 tầng áp mái kết cấu bê tông cốt thép;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: khoảng 40.584.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT);
- Dự án bắt đầu triển khai từ tháng 8/2022 và dự kiến hoàn thành sau 12 tháng kể từ ngày khởi công công trình;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2023: Dự án đã khởi công xây dựng và hoàn thành xong phần thô bên ngoài của các tầng, đang thực hiện phần kiến trúc bên trong bao gồm lắp đặt hệ thống điện, nước, thang máy...

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	73.414.514.164	35.409.431	73.449.923.595
Số dư cuối kỳ	<u>73.414.514.164</u>	<u>35.409.431</u>	<u>73.449.923.595</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	51.003.223.202	35.409.431	51.038.632.633
- Khấu hao trong kỳ	3.678.666.042	-	3.678.666.042
Số dư cuối kỳ	<u>54.681.889.244</u>	<u>35.409.431</u>	<u>54.717.298.675</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	22.411.290.962	-	22.411.290.962
Tại ngày cuối kỳ	<u>18.732.624.920</u>	<u>-</u>	<u>18.732.624.920</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.426.453.067 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.255.296.000	55.000.000	7.310.296.000
Số dư cuối kỳ	<u>7.255.296.000</u>	<u>55.000.000</u>	<u>7.310.296.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	37.208.787	37.208.787
- Khấu hao trong kỳ	-	9.166.668	9.166.668
Số dư cuối kỳ	-	<u>46.375.455</u>	<u>46.375.455</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	7.255.296.000	17.791.213	7.273.087.213
Tại ngày cuối kỳ	<u>7.255.296.000</u>	<u>8.624.545</u>	<u>7.263.920.545</u>

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích đất 595 m2 tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Glory	264.093.147	1.287.086.869
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	49.095.616
	<u>264.093.147</u>	<u>1.336.182.485</u>
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.260.413	8.822.915
	<u>1.260.413</u>	<u>8.822.915</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Wongsamut Ocean Shipping Company Limited	494.183.200	494.183.200	935.763.840	935.763.840
Monjasa PTE Ltd	-	-	3.325.585.270	3.325.585.270
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	797.203.215	797.203.215	1.178.831.053	1.178.831.053
KPI Oceanconnect Pte Ltd	1.990.389.240	1.990.389.240	-	-
PT IDT Trans Agency	518.822.150	518.822.150	517.950.180	517.950.180
Phải trả nhà cung cấp khác	1.384.583.309	1.384.583.309	1.437.275.875	1.437.275.875
	<u>5.185.181.114</u>	<u>5.185.181.114</u>	<u>7.395.406.218</u>	<u>7.395.406.218</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	9.183.115.102	23.687.860	9.206.802.962	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	6.250.000	446.541.976	389.975.156	-	-	62.816.820	-
Các loại thuế khác	5.000.000	-	3.000.000	-	-	2.000.000	-	-
	5.000.000	9.189.365.102	473.229.836	9.596.778.118	2.000.000	2.000.000	62.816.820	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	8.284.636	72.425.752
- Bảo hiểm xã hội	1.183.260	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	150.540	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.184.990	32.090.244
	37.803.426	104.515.996

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự phòng sửa chữa định kỳ cho tàu Transco Sky (*)	1.600.000.000	-
	1.600.000.000	-

(*) Theo kế hoạch lên đà sửa chữa đã được phê duyệt, tổng chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Sky dự kiến cho giai đoạn từ ngày 01/03/2023 đến ngày 31/08/2025 là 12.000.000.000 đồng. Công ty đang trích số dự phòng phải trả đối với chi phí sửa chữa lớn đều hàng tháng trong vòng 30 tháng theo chu kỳ lên đà sửa chữa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	86.000.000.000		5.007.985.000		8.166.356.695		13.592.105.332		112.766.447.027	
Lãi trong kỳ trước	-		-		-		12.770.874.845		12.770.874.845	
Phân phối lợi nhuận	-		-		862.086.812		(10.496.590.387)		(9.634.503.575)	
Số dư cuối kỳ trước	86.000.000.000		5.007.985.000		9.028.443.507		15.866.389.790		115.902.818.297	
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000		5.007.985.000		9.028.443.507		52.457.889.720		152.494.318.227	
Lỗ trong kỳ này	-		-		-		(4.274.132.974)		(4.274.132.974)	
Phân phối lợi nhuận	-		-		2.468.118.739		(13.635.094.964)		(11.166.976.225)	
Số dư cuối kỳ này	86.000.000.000		5.007.985.000		11.496.562.246		34.548.661.782		137.053.209.028	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	%	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	100,00%	49.362.374.775
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	2.468.118.739
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	1,72%	846.976.225
Lợi nhuận chưa phân phối	20,91%	10.320.000.000
	72,38%	35.727.279.811

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTPC	28.800.000.000	33,49%	28.800.000.000	33,49%
Công ty Cổ phần Transimex	42.581.800.000	49,51%	42.581.800.000	49,51%
Các cổ đông khác	14.618.200.000	17,00%	14.618.200.000	17,00%
	86.000.000.000	100%	86.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	86.000.000.000	86.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	<u>86.000.000.000</u>	<u>86.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	10.320.000.000	8.600.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	10.320.000.000	8.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(10.320.000.000)	(8.600.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	<u>(10.320.000.000)</u>	<u>(8.600.000.000)</u>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.496.562.246	9.028.443.507
	<u>11.496.562.246</u>	<u>9.028.443.507</u>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê tài sản văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	154.129.500	462.388.500
	<u>154.129.500</u>	<u>462.388.500</u>

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	922.220,95	2.143.980,59

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Dịch vụ Vận Xuân	185.771.630	185.771.630
Công ty Cổ phần Vật tư Kim khí Tiên Ngọc	82.430.000	82.430.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	28.578.939.298	84.678.942.999
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.203.659.365	5.133.374.757
	31.782.598.663	89.812.317.756
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	189.003.637	2.497.007.600
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>		
21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	32.461.868.384	68.084.654.240
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.230.245.664	4.842.226.011
	35.692.114.048	72.926.880.251
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	2.120.000	4.880.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	2.120.000	4.880.000
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>		
22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.595.712.004	1.773.072.513
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	251.478.083	402.960.603
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	32.661.480	-
	2.879.851.567	2.176.033.116
23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	115.324.913
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	32.842.279	103.247.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	281.094.100
	32.842.279	499.666.021
24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG		
	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	440.285.378	238.723.082
	440.285.378	238.723.082

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	35.177.999
Chi phí nhân công	1.873.730.964	3.036.486.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.166.668	125.086.974
Thuế, phí, lệ phí	7.050.000	15.317.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	611.917.553	529.789.153
Chi phí khác bằng tiền	254.317.346	219.788.550
	2.756.182.531	3.961.645.912

26 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt thu được	100.489.502	-
Thu nhập khác	88.149.833	1
	188.639.335	1

27 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	49.745	34.093
Khoản thưởng cho xếp dỡ hàng nhanh	168.817.903	45.314.864
Chi phí khác	11.242.795	-
	180.110.443	45.348.957

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.250.445.114)	14.316.086.650
Các khoản điều chỉnh tăng	47.292.531	72.034.093
- Chi phí không hợp lệ	47.292.531	72.034.093
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.533.670.651)	(6.662.061.714)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(43.291.661)	(22.136.104)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(6.639.925.610)
- Kết chuyển lỗ CLTG khi đánh giá cuối năm 2022	(2.490.378.990)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(6.736.823.234)	7.726.059.029
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	1.545.211.805
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	23.687.860	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	9.183.115.102	(101.999.949)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(9.206.802.962)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	1.443.211.856

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

29 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	498.075.798	498.075.798
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	498.075.798	498.075.798

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(4.274.132.974)	12.770.874.845
Các khoản điều chỉnh:	-	(766.252.491)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(766.252.491)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.274.132.974)	12.004.622.354
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.600.000	8.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(497)	1.396

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.326.219.311	39.881.366.522
Chi phí nhân công	7.213.350.710	14.206.078.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.687.832.710	6.703.168.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.456.647.039	15.469.643.200
Chi phí khác bằng tiền	1.204.532.187	866.992.838
	38.888.581.957	77.127.249.245

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền	22.638.876.731	-	-	22.638.876.731
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.489.864.306	5.500.000	-	4.495.364.306
Các khoản cho vay	58.500.000.000	-	-	58.500.000.000
	<u>85.628.741.037</u>	<u>5.500.000</u>	<u>-</u>	<u>85.634.241.037</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.722.562.002	-	-	53.722.562.002
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.175.806.193	85.500.000	-	4.261.306.193
Các khoản cho vay	60.200.000.000	-	-	60.200.000.000
	<u>118.098.368.195</u>	<u>85.500.000</u>	<u>-</u>	<u>118.183.868.195</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.222.984.540	-	-	5.222.984.540
	<u>5.222.984.540</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.222.984.540</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.499.922.214	-	-	7.499.922.214
	<u>7.499.922.214</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.499.922.214</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ vận tải biển VND	Dịch vụ khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	28.578.939.298	3.203.659.365	31.782.598.663
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>(3.882.929.086)</u>	<u>(26.586.299)</u>	<u>(3.909.515.385)</u>
Tổng chi phí mua tài sản cố định			13.598.913.694
Tài sản bộ phận trực tiếp	26.744.333.573	8.384.356.086	35.128.689.659
Tài sản không phân bổ			110.306.228.849
Tổng tài sản	<u>26.744.333.573</u>	<u>8.384.356.086</u>	<u>145.434.918.508</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	7.464.186.891	677.435.829	8.141.622.720
Nợ phải trả không phân bổ			240.086.760
Tổng nợ phải trả	<u>7.464.186.891</u>	<u>677.435.829</u>	<u>8.381.709.480</u>

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế VND	Nội địa VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.578.939.298	3.203.659.365	31.782.598.663
Tài sản bộ phận	26.744.333.573	8.384.356.086	35.128.689.659
Tài sản không phân bổ			110.306.228.849
Tổng chi phí mua tài sản cố định			13.598.913.694

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn, ông Lê Phúc Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Phó Tổng Giám đốc Công ty này
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Ông Lê Phúc Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty này
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Phó Giám đốc Công ty này
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Bà Vũ Thị Hậu - Trưởng ban kiểm soát Công ty là Kế toán trưởng Công ty này
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Ông Tạ Mạnh Cường là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty và công ty này; Ông Mai Trọng Tài - Thành viên Ban kiểm soát công ty đồng thời là Kế toán trưởng Công ty này

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty .

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	189.003.637	2.497.007.600
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	173.720.000	2.497.007.600
Công ty cổ phần Transimex	15.283.637	-
Mua hàng	2.120.000	4.880.000
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	2.120.000	4.880.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	509.500.000	467.706.480
Thu nhập của các thành viên khác trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty	998.660.000	434.478.354

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét.

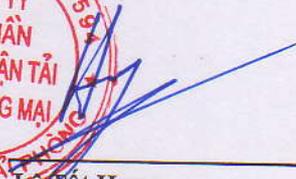


Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2023



Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

